TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Nông nghiệp và PTNT, 2013. *Quyết định số 92/QĐ-TT-CCN ngày 15 tháng 3 năm 2013 về việc công nhân cho sản xuất thử giống mía K88-92 tại Tây Nam bộ.*

Bộ Nông nghiệp và PTNT, 7/2014. *Báo cáo Tổng kết Hội nghị mía đường niên vụ 2013/2014 .*

Bộ Nông nghiệp và PTNT, 7/2015. *Báo cáo Tổng kết Hội nghị mía đường niên vụ 2014/2015.*

Cơ quan Phát triển Pháp, 5/1999. *Báo cáo Nghiên cứu ngành mía đường Việt Nam đến 2010 - 2020.*

Viện Nghiên cứu Mía đường, 2013. *Báo cáo kết quả tuyển chọn giống mía K88-92 tại Tây Nam bộ.*

Result of trial production of K88-92 sugarcane variety in Cuulong delta

Le Thi Thuong, Nguyen Thi Bach Mai, Do Duc Hanh, Nguyen Cuong Quyet, Le Thi Hien

Abstract

The trial production of K88-92 sugarcane variety in Mekong Delta were carried out by Sugarcane Research Institute from 2013 to 2015. The results showed that K88-92 sugarcane variety was well developed, adaptable to different soils and had good germination, strong tillering, fast rising and less infection by insects, fairly ratoon, high cane yield (over 130 tons/ha) and rather good quality (> 11 CCS). K88-92 variety was able to maintain green foliage, solid stem, good regeneration and tolerance was better when applying Ninh Binh Phosphate fertilizer. The result showed that cane yield was obtained over 132 tones/ha, increasing 13.17 - 16.85% in comparison with the control when treated original handle and replanting by *Trichoderma* fungus. Its economic efficiency was 9 million VND/ha higher than that of the control (not using *Trichoderma*). The cane yield achieved 135 tons/ha, CCS was 11.24 to 11.49 and economic efficiency was 15 million VND/ha higher than that of the control in demonstration pilot in Hau Giang and Soc Trang provinces, .

Key word: K88-92 sugarcane variety, trail production, phosphate fertilizer, Fungus *Trichoderma*

Ngày nhận bài: 12/8/2016 Ngày phản biện: 19/8/2016
Người phản biện: TS. Lê Quang Tuyền Ngày duyệt đăng: 25/8/2016

KẾT QUẢ ĐIỀU TRA HIỆN TRẠNG CANH TÁC DỪA Ở VÙNG DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG

Phan Thanh Hải[1], Nguyễn Tấn Hưng[1], Nguyễn Thị Thanh Thủy[2]

TÓM TẮT

Kết quả điều tra hiện trạng canh tác dừa ở vùng Duyên hải miền Trung cho thấy: Diện tích trồng dừa ở các tỉnh Duyên hải miền Trung là 29.399 ha, chiếm 19% diện tích dừa trên toàn quốc. Trong đó, diện tích dừa cho quả là 27.472 ha, sản lượng 261.466 tấn quả/ha. Diện tích trồng dừa của hộ nhỏ, biến động từ 500 m^2 đến trên 7.000 m^2. Độ tuổi giống dừa lấy dầu từ 1-52 năm, dừa uống nước 1-41 năm. Năng suất quả thấp, chỉ đạt 6.000 quả/ha/năm. Kỹ thuật canh tác lạc hậu, cây giống chủ yếu tự gieo ươm (97,9%). Phương thức canh tác dừa chủ yếu là quảng canh (tỷ lệ hộ có bón phân chỉ đạt 13,2%, có làm cỏ 14,7%, có phòng trừ sâu, bệnh hại 6,3%...). Bọ cánh cứng gây hại rất phổ biến (77,8% cây bị nhiễm). Để phát huy thế mạnh từ cây dừa của vùng, cần đầu tư xây dựng hệ thống cung ứng cây giống, triển khai tập huấn kỹ thuật canh tác, xây dựng và ứng dụng biện pháp kỹ thuật quản lý dịch hại tổng hợp, thông tin kịp thời cho nông dân các tiến bộ mới về cây dừa.

Từ khóa: Hiện trạng, canh tác, quảng canh, cây giống, bọ cánh cứng hại dừa

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đến năm 2012, nước ta có khoảng 157.000 ha dừa, tập trung chủ yếu ở Đồng bằng sông Cửu Long và vùng Duyên hải miền Trung (UBND tỉnh Bến Tre, 2012). Theo đánh giá của các quốc gia thành viên Hiệp hội dừa Châu Á-Thái Bình Dương (APCC) thì giá trị sử dụng và giá trị gia tăng của dừa Việt Nam gần 1 triệu ha. Theo thống kê của APCC, năm 1991 nước ta có 333.000 ha dừa đạt sản lượng 1.200 triệu quả nhưng đến năm 2012 chỉ còn 157.000 ha với sản lượng 1.015 triệu quả (Hiệp hội dừa Châu Á-Thái Bình Dương -APCC, 2013). Sự giảm sút nghiêm

[1] Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ
[2] Viện Khoa học kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung bộ

trọng về diện tích trồng dừa là do năng suất dừa thấp (năng suất trung bình 36-38 quả/cây/năm), sản phẩm từ cây dừa đơn điệu, chủ yếu là các sản phẩm truyền thống: cơm dừa khô, dầu dừa thô…có giá trị thấp, khó tiêu thụ, giá bán thấp lại bấp bênh nên hiệu quả kinh tế của cây dừa không bằng các loài cây trồng khác.

Vùng Duyên hải miền Trung có điều kiện tự nhiên và xã hội thuận lợi để phát triển dừa. Dừa là cây trồng có lợi thế so sánh về hiệu quả kinh tế và môi trường trên vùng đất cát ven biển và được địa phương xác định là đối tượng cây trồng quan trọng "thương hiệu" dừa Tam Quan (Bình Định), dừa Sông Cầu (Phú Yên) đã được khẳng định. Trước nguy cơ biến đổi khí hậu và nước biển dâng thì cây dừa là đối tượng được lựa chọn. Những năm qua, dừa đã góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, tăng thu nhập và giải quyết việc làm cho hàng nghìn lao động. Tuy nhiên, do giống xấu, tập quán canh tác lạc hậu, khả năng đầu tư chăm sóc cho vườn dừa còn nhiều hạn chế, năng suất dừa rất thấp, nên đời sống của người trồng dừa chậm được cải thiện. Vì vậy, nhiều vùng dừa truyền thống có nguy cơ bị chặt bỏ dần để thay thế cây trồng khác. Điều tra hiện trạng sản xuất dừa nhằm xác định được nguyên nhân, từng bước khắc phục những hạn chế, góp phần nâng cao năng suất và mở rộng diện tích dừa ở vùng Duyên hải miền Trung theo hướng hàng hóa bền vững là hết sức cần thiết trong thời điểm hiện nay.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

Vườn dừa uống nước (dừa xiêm) và dừa lấy dầu của hộ dân ở các tỉnh Bình Định, Phú Yên Thanh Hóa.

2.2. Nội dung nghiên cứu

Điều tra hiện trạng canh tác dừa ở vùng Duyên hải miền Trung.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Sử dụng phương pháp kế thừa để thu thập thông tin thứ cấp có liên quan tại các đơn vị chức năng. Lập phiếu điều tra để thu thập các thông tin liên quan từ các hộ sản xuất dừa. Sử dụng phương pháp điều tra nhanh nông thôn có sự tham gia của người dân để thu thập thông tin. Sử dụng phương pháp phỏng vấn người thạo tin (key informant interview), phỏng vấn nhóm (group interview) .

III. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Diện tích, sản lượng dừa ở các tỉnh miền Trung

Diện tích trồng dừa ở các tỉnh Duyên hải miền Trung khoảng 29.399 ha, chiếm 19% diện tích dừa trên toàn quốc. Trong đó, diện tích dừa cho quả 27.472 ha, với sản lượng 261.466 tấn quả/ha; tập trung chủ yếu ở các tỉnh: Bình Định 10.520 ha, Quảng ngãi 8.015 ha, Phú Yên 5.200 ha, Khánh Hòa 2.420 ha, Thanh Hóa 1.560 ha, Ninh Thuận 1.078 ha và Quảng Nam 501 ha.

Bảng 1. Diện tích, sản lượng dừa ở các tỉnh Duyên hải miền Trung

TT	Tỉnh	Diện tích (ha)			Sản lượng (tấn quả/năm)
		Diện tích	Diện tích cho quả	Diện tích chưa cho quả	
1	Quảng Nam	532	501	31	3.645
2	Quảng Ngãi	7.015	6.467	548	69.154
3	Bình Định	10.520	9.867	653	97.358
4	Phú Yên	5.200	4.980	220	49.012
5	Khánh Hòa	3.420	3.212	208	21.425
6	Ninh Thuận	1.152	1.078	74	8.421
7	Thanh Hóa	1.560	1.367	193	12.451
Tổng cộng		**29.399**	**27.472**	**1.927**	**261.466**

Sản lượng quả toàn vùng đạt 261.466 tấn/năm. Trong đó, Bình Định có sản lượng lớn nhất 97.358 tấn/năm, tiếp đến là Quảng Ngãi 69.154 tấn/ha và thấp nhất là Ninh Thuận 8.421 tấn/năm.

3.2. Diện tích dừa trồng trong vườn hộ

Kết quả điều tra cho thấy diện tích trồng dừa của các hộ biến động từ 500 m^2 đến trên 7000 m^2. Tỷ lệ hộ có qui mô diện tích vườn dừa lớn giảm dần theo chiều tăng của diện tích. Cụ thể, tỷ lệ hộ có diện tích từ 500-1.500 m^2 (40,6%), diện tích từ 1.600-2.000 m^2 (31,7%), diện tích 2.100-6.900m^2 (22,3%) và diện tích trên 7000 m^2 chỉ chiếm 5,4%.

Bảng 2. Phân bố diện tích dừa trong vườn hộ

TT	Địa phương	Tỷ lệ hộ (%)			
		500-1500 (m^2)	1.600-2000 (m^2)	2.100-6.900 ($m^{2)}$	≥ 7.000 ($m^{2)}$
I	*Bình Định*	*25,0*	*38,7*	*27,4*	*8,9*
1	Hoài Nhơn	23,3	40,0	26,4	10,3
2	Phù Cát	26,7	37,5	28,3	7,5
II	*Phú Yên*	*41,3*	*21,5*	*30,3*	*6,9*
1	Sông Cầu	33,1	13,1	45,7	8,1
2	Tuy An	49,5	29,9	15,0	5,6
III	*Thanh Hóa*	*55,4*	*35,1*	*9,1*	*0,4*
1	Hoằng Hóa	58,7	33,6	7,2	0,5
2	Quảng Xương	52,2	36,6	10,9	0,3
Trung bình		***40,6***	***31,7***	***22,3***	***5,4***

Năng suất quả trung bình/ha/năm đạt 6.000 quả, giá bán bình quân 8.000 đồng/quả và doanh thu bình quân 48 triệu đồng/ha. Với doanh thu như trên thì việc thu nhập từ việc trồng dừa với qui mô từ 7000 m^2 (33,6 triệu đồng) trở lên là nguồn thu nhập đáng kể trong cơ cấu thu nhập của hộ. Tuy nhiên, các hộ có diện tích trồng dừa từ 7000 m^2 trở lên chiếm tỷ lệ nhỏ (5,4%), trong khi đó tỷ lệ hộ có diện tích vườn dừa < 7000 m^2 chiếm 94,6%.

Nhìn chung, diện tích vườn dừa của các hộ là khá manh mún, dừa chủ yếu được trồng xung quanh nhà ở. Những diện tích lớn, trồng tập trung thành trang trại còn rất ít. Đây là cản trở lớn trong việc đầu tư thâm canh cũng như tiêu thụ sản phẩm.

3.3. Tình hình sử dụng giống dừa trong vườn hộ

Bảng 3. Cơ cấu giống dừa trong vườn hộ

TT	Địa phương	Nguồn gốc cây giống (%)		Giống trồng (%)						
		Mua	Tự ươm	Dừa lấy dầu	Dừa uống nước					
					Xiêm	Xiêm lai	Dừa Dứa	Dừa lửa	Táo xanh	Xanh quả dài
I	*Bình Định*	*2,8*	*97,2*	*70,9*	*25,1*	*3,8*	*0,3*	*0*	*0*	*0*
1	Hoài Nhơn	3,1	96,9	77,9	20,7	1,2	0,2	0	0	0
2	Phù Cát	2,5	97,5	63,8	29,5	6,3	0,4	0	0	0
II	*Phú Yên*	*1,3*	*98,7*	*93,6*	*6,3*	*0,2*	*0,0*	*0*	*0*	*0*
1	Sông Cầu	1,6	98,4	93,3	6,5	0,2	0	0	0	0
2	Tuy An	1,0	99,0	93,9	6,0	0,1	0	0	0	0
III	*Thanh Hóa*	*2,2*	*97,8*	*0*	*0*	*0*	*0*	*34,1*	*41,2*	*24,7*
1	Hoằng Hóa	2,1	97,9	0	0	0	0	38,9	45,8	15,3
2	Quảng Xương	2,3	97,7	0	0	0	0	29,3	36,7	34,0
	Trung bình	***2,1***	***97,9***							

Qua số liệu bảng 3 cho thấy, các tỉnh Bình Định và Phú Yên trồng khá phổ giống dừa dừa lấy dầu (70,9-98,7%), khi già cùi chế biến dầu hoặc cơm dừa nạo sấy, ngoài ra cũng có thể sử dụng nước dừa (khi còn non) để giải khát.

So với dừa lấy dầu thì dừa uống nước được sử dụng ít hơn, công dụng chính là nước dừa. Ở Bình Định, dừa lấy nước được trồng với tỷ lệ 29,2%, Phú Yên có tỷ lệ thấp hơn (6,5%). Dừa uống nước ở Bình Định và Phú Yên chủ yếu là giống dừa xiêm

Tam Quan, ngoài ra có một số giống khác như dừa dứa, dừa xiêm lai nhưng tỷ lệ nhỏ (0,2-3,8%). Trong những năm gần đây, vùng Nam Trung bộ điều kiện kinh tế được cải thiện, dừa uống nước được tiêu thụ mạnh, giá bán cao. Vì vậy, diện tích trồng ngày càng tăng, đây là tín hiệu tốt đối với người sản xuất.

Ở Thanh Hóa, chủ yếu 3 giống dừa uống nước: dừa lửa, dừa táo xanh và dừa xanh quả dài. Trong đó, dừa táo xanh được trồng nhiều nhất (41,2%), do sai quả, chất lượng nước thơm, ngọt. Giống dừa lửa chiếm 34,1% và ít nhất là dừa xanh quả dài (24,7%).

Phần lớn giống dừa được trồng là do gia đình tự ươm (97,9%), chỉ có một phần rất nhỏ là mua từ các cơ sở giống tư nhân (2,1%). Cho dù giống được mua nhưng không biết nguồn gốc, nên khó có thể để khẳng định được đây là cây giống sẽ cho năng cao, chất lượng tốt. Vì vậy, khả năng giống xấu, thoái hóa là rất lớn. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới năng suất, chất lượng dừa của vùng thấp.

3.4. Độ tuổi, năng suất dừa ở một số tỉnh Trung bộ

3.4.1. Dừa lấy dầu

Các vườn dừa hiện trồng ở vùng Duyên hải miền Trung có độ tuổi từ 1-52 năm, trong đó được phân ra các nhóm:

Nhóm từ 1-10 năm tuổi: Chiếm tỷ lệ 16,7%, là thấp nhất. Gồm những diện tích mới trồng những năm gần đây và một số diện tích mới cho quả. Vì vậy, nhóm tuổi này có năng suất thấp (10-30 quả/cây/năm).

Bảng 4. Độ tuổi, năng suất theo tuổi của dừa lấy dầu ở vùng Duyên hải Trung bộ

Tuổi (năm)	Tỷ lệ (%)				TB (%)	Năng suất (quả/cây)
	Bình Định		Phú Yên			
	Hoài Nhơn	Phù Cát	Sông Cầu	Tuy An		
1-10	18,4	20,3	15,2	12,7	16,7	10-30
11-20	22,6	26,5	21,5	20,8	22,9	31-45
21-40	32,1	27,8	33,2	30,9	31,0	46-61
> 40	26,9	25,4	30,1	35,6	29,5	30-35

Nhóm từ 11-20 năm tuổi: Chiếm tỷ lệ từ 22,9%. Gồm những diện tích dừa ở giai đoạn cho quả từ 5-15 năm nay, nên năng suất khá (31-45 quả/cây/năm) và tương đối ổn định. Ở nhóm tuổi này có tỷ lệ tương đối đồng đều ở các địa điểm điều tra.

Nhóm từ 21- 40 năm tuổi: Chiếm tỷ lệ 31,0%. Đây là nhóm có số lượng cây nhiều nhất, là giai đoạn sinh trưởng sung sức nhất nên có năng suất cao nhất trong các nhóm tuổi, năng suất đạt từ 46-61 quả/cây/năm.

Nhóm trên 40 năm tuổi: Chiếm tỷ lệ 29,5%, cây dừa vào giai đoạn già cỗi nên cây dừa sinh trưởng, phát triển kém, khả năng chống chịu với điều kiện bất lợi giảm, đồng nghĩa với năng suất quả giảm dần (30-35 quả/cây/năm).

3.4.2. Dừa uống nước

Độ tuổi vườn dừa uống nước của vùng bình quân từ 1-41 năm, được phân ra các khoảng như sau:

Bảng 5. Độ tuổi, năng suất của dừa uống nước ở vùng Duyên hải miền Trung

Tuổi (năm)	Tỷ lệ (%)						TB (%)	Năng suất (quả/cây)
	Bình Định		Phú Yên		Thanh Hóa			
	Hoài Nhơn	Phù Cát	Sông Cầu	Tuy An	Hoằng Hóa	Quảng Xương		
1-10	20,3	26,4	18,5	22,1	3,1	2,7	15,5	15-40
11-20	27,2	29,8	23,1	18,5	13,2	16,1	21,3	≥ 76
21-30	17,3	14,7	18,6	23,8	37,5	30,7	23,8	56-75
>30	35,2	29,1	39,8	35,6	46,2	50,5	39,4	41-55

Nhóm từ 1-10 năm tuổi: Có tỷ lệ thấp nhất chỉ đạt 15,5%. Vì vậy, trong tương lai sẽ ảnh hưởng đến khả năng kế thừa về diện tích cũng như năng suất cho nhóm dừa trồng trước. Riêng ở 2 tỉnh Bình Định, Phú Yên do những năm gần đây dừa quả tiêu thụ mạnh, giá bán đắt nên xu hướng trồng mới ngày

càng nhiều. Hiện tại, nhóm tuổi này chiếm tỷ lệ khá cao (18,5-26,4%). Nhìn chung do dừa còn non nên năng suất quả của nhóm tuổi này còn thấp, chỉ đạt 15-40 quả/cây/năm.

Nhóm từ 11-20 năm tuổi: Có tỷ lệ 21,3%, đây là nhóm cây trong giai đoạn sinh trưởng, phát triển tốt nhất, vì vậy đạt năng suất cao nhất (≥76 quả/cây/năm). Tuy nhiên, nhìn tổng thể cơ cấu về tỷ lệ nhóm tuổi này là khá thấp nên hiện tại sẽ ảnh hưởng đến năng suất chung của toàn vùng.

Nhóm từ 21-30 năm tuổi: Có tỷ lệ 23,8%. Các cá thể trong nhóm khả năng sinh trưởng, phát triển, khả năng chống chịu giảm dần, vì vậy năng suất có xu hướng giảm (56 - 75 quả/cây/năm). Đối với vùng dừa Phú Yên và Bình Định, tỷ lệ nhóm tuổi này khá thấp (14,7-23,8%) nên ít ảnh hưởng đến năng suất chung. Riêng tỉnh Thanh Hóa tỷ lệ nhóm này khá cao (30,7-37,5%).

Nhóm trên 30 năm tuổi: Là nhóm có tỷ lệ lớn nhất (39,4%). Trong đó, Bình Định và Phú Yên có tỷ lệ từ 29,1-39,8%, riêng Thanh Hóa tỷ lệ này là 46,2-50,5%, cao hơn tỷ lệ bình quân chung. Các cá thể trong nhóm vào giai đoạn già cỗi, sinh trưởng, phát triển kém, đồng nghĩa với năng suất quả giảm dần (41-55 quả/cây/năm), ảnh hưởng lớn đến năng suất chung của toàn vùng.

Như vậy, cơ cấu về tỷ lệ tuổi giữa các nhóm của dừa lấy dầu và dừa uống nước ở các tỉnh miền Trung chưa thật sự hợp lý. Nhóm tuổi dừa non (1-10 năm) có tỷ lệ bình quân lần lượt 16,7%; 15,5% là thấp. Điều này cho thấy trong thời gian qua, người dân chưa chú trọng đến việc phát triển cây dừa. Vì vậy, sẽ ảnh hưởng đến khả năng kế thừa về diện tích cho những nhóm dừa trồng trước. Nhóm tuổi trên 40 năm (đối với dừa dầu) và trên 30 năm (đối với dừa uống nước), chiếm tỷ lệ lần lượt 29,%; 39,4% là quá lớn, ảnh hưởng đến năng suất chung của vùng là điều không thể tránh khỏi. Vì vậy, trong thời gian tới việc tái canh nhằm thay thế diện tích dừa đã già cỗi là hết sức cần thiết.

3.5. Tình hình sâu, bệnh hại dừa

Trong những năm gần đây ở các tỉnh Duyên hải miền Trung, sâu, bệnh hại dừa ngày càng trầm trọng. Đặc biệt là là bọ dừa xuất hiện ngày càng nhiều, gây hại thường xuyên trên lá non, làm cho hàng ngàn ha dừa cháy lá, giảm năng suất quả từ 35-45%.

3.5.1. Sâu hại

Bọ dừa là loài côn trùng phá hại phổ nhất, tỷ lệ cây bị hại tới 77,8% và thường gây nên các đợt dịch. Khi bị hại toàn bộ phiến lá non bị gặm hết phần thịt lá, chỉ còn trơ màng lá. Ngoài ra còn xuất hiện nhiều loài sâu ăn lá khác như sâu nái, sâu phao… với tỷ lệ cây bị hại là 36,2%. Các loại sâu hại lá thường xuất hiện vào mùa khô. Khác với bọ dừa chỉ phá hoại trên lá non thì một số loài sâu ăn lá khác phá hoại cả lá non lẫn lá già. Sâu ăn lá thường phát sinh, phát triển mạnh ở những vườn dừa ít được chăm sóc.

Kiến vương và sâu đuông tuy không phổ biến, với tỷ lệ phá hại lần lượt là 14,2% và 2,6%, nhưng rất nguy hiểm. Kiến vương đục ngọn dừa, dẫn dụ sâu đuông tới làm tổ, đẻ trứng, sâu non nở, ăn dần "cổ hũ dừa" làm cho cây dừa chết khô toàn bộ phần ngọn.

Bảng 6. Tình hình sâu, bệnh hại dừa

TT	Tỉnh	Sâu hại (%)				Bệnh hại%		Chuột (%)
		Bọ dừa	Sâu ăn lá	Kiến vương	Sâu đuông	Đốm lá	Thối đọt	
I	*Bình Định*	*77,4*	*29,7*	*13,5*	*3,2*	*23,4*	*3,7*	*8,7*
1	Hoài Nhơn	82,5	34,8	15,6	3,7	25,1	4,2	10,8
2	Phù Cát	72,3	24,5	11,3	2,7	21,7	3,1	6,5
II	*Phú Yên*	*82,1*	*37,5*	*18,7*	*2,8*	*28,8*	*5,0*	*9,4*
1	Sông Cầu	78,9	36,1	17,2	2,1	26,6	4,8	8,6
2	Tuy An	85,3	39,0	20,2	3,5	31,3	5,1	10,2
III	*Thanh Hóa*	*73,9*	*41,6*	*10,3*	*1,9*	*16,5*	*2,0*	*5,8*
1	Hoằng Hóa	68,6	38,2	9,3	2,1	15,7	1,4	4,7
2	Quảng Xương	79,1	44,9	11,2	1,6	17,3	2,5	6,9
Trung bình		***77,8***	***36,3***	***14,2***	***2,6***	***22,9***	***3,6***	***7,9***

3.5.2. Bệnh hại

Gồm các loại bệnh như đốm lá, thối đọt. Bệnh đốm lá khá phổ biến với tỷ lệ cây bị hại khoảng 22,9%. Trong đó, Phú Yên có tỷ lệ bị hại lớn nhất (28,8%), kế đến là Bình Định (23,4%) và Thanh Hóa có tỷ lệ dừa bị hại là thấp nhất (16,5%). Ngoài ra trên cây dừa còn xuất hiện bệnh thối đọt, nhưng ít phổ biến (3,6%). Các bệnh trên tuy không làm chết cây nhưng ảnh hưởng đến quá trình quang hợp của lá, làm chậm sinh trưởng, giảm ra hoa đậu quả, từ đó làm giảm năng suất dừa (Nguyễn Thị Bích Hồng, 2005).

Ngoài các loại sâu, bệnh trên, ở các vườn dừa nằm xa khu dân cư, hàng năm ít được vệ sinh ngọn dừa, thường bị chuột đục để ăn các phần non bên trong quả.

3.6. Tình hình chăm sóc vườn dừa ở một số tỉnh Trung bộ

Hiện nay, ở các tỉnh miền Trung giá trị thu nhập từ dừa còn thấp, một mặt do giống, nhưng không thể loại trừ yếu tố kỹ thuật canh tác chưa đảm bảo. Qua điều tra, khảo sát tại các vùng trồng dừa chính, kết quả thu được thể hiện ở bảng 7.

Bón phân cho dừa: Trung bình hàng năm chỉ có 13,2% số hộ có bón phân cho dừa. Trong đó, Bình Định có tỷ lệ hộ bón phân cho dừa cao nhất (29,3%), tiếp đến là Phú Yên (8,1%) và thấp nhất là Thanh Hóa (2,2%). Qua khảo sát cho thấy, phần lớn hộ dân bón phân chuồng, đạm hoặc phân tổng hợp (NPK) nhưng lượng và thành phần khoáng chất là không đảm bảo, do vậy, quả thường bị nứt, rụng khi chưa kịp già (Lê Ngọc Thạch, 1984).

Bảng 7. Tình hình chăm sóc vườn dừa ở một số tỉnh Trung bộ

TT	Tỉnh	Có bón phân (% hộ)	Có làm cỏ (% hộ)	Có tưới nước (% hộ)	Có phòng trừ sâu, bệnh (% hộ)
I	*Bình Định*	*29,3*	*20,5*	*6,3*	*14,4*
1	Hoài Nhơn	8,6	12,5	2,3	3,6
2	Phù Cát	50,0	28,4	10,2	25,1
II	*Phú Yên*	*8,1*	*9,1*	*2,8*	*3,4*
1	Sông Cầu	12,5	15,6	4,4	5,8
2	Tuy An	3,6	2,5	1,2	1,0
III	*Thanh Hóa*	*2,2*	*14,6*	*0*	*1,1*
1	Hoằng Hóa	2,8	15,8	0	1,2
2	Quảng Xương	1,5	13,4	0	1,0
Trung bình		***13,2***	***14,7***	***3,0***	***6,3***

- Làm cỏ cho dừa: Là công việc tiến hành thường xuyên, với các bước tỉa bỏ các buồng hoa, quả bị hỏng, tàu lá khô... cắt sạch các màng bao giữa các tàu lá với thân, làm cho ngọn dừa thông thoáng, kích thích dừa ra hoa, đậu quả và hạn chế một số loài côn trùng phá hại như kiến vương, sâu đuông (Nguyễn Văn Dũng, 1996). Đối với dừa lâu năm, thân cao thì việc làm cỏ tốn nhiều công sức và khá vất vả. Vì vậy, chỉ có 9,1-20,5% số hộ thực hiện, trong đó Bình Định là cao nhất (20,5%), kế đến là Thanh Hóa (14,6%) và thấp nhất Phú Yên (9,1%).

- Phòng trừ sâu, bệnh: Phòng trừ sâu, bệnh hại có ý nghĩa đặc biệt đến năng suất cây ăn quả nói chung và cây dừa nói riêng. Trong những năm gần đây ở các tỉnh Duyên hải miền Trung, sâu bệnh hại dừa xuất hiện khá phổ biến, đặc biệt bọ dừa phá hại ngày càng nghiêm trọng, làm cho hàng ngàn ha dừa trơ trụi lá, giảm năng suất từ 35-45%.

Qua điều tra, toàn vùng chỉ có 6,3% số hộ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật (BVTV). Trong đó, Bình Định có tỷ lệ hộ sử dụng thuốc BVTV cao hơn cả (14,4%), Phú Yên và Thanh Hóa tỷ lệ này là rất thấp, lần lượt là 3,4%; 1,1%. Ngoài ra, việc sử dùng thuốc của các hộ trồng dừa chỉ mới dừng lại ở mức độ rất hạn chế. Việc phun loại thuốc gì cho loài sâu, bệnh nào; nồng độ bao nhiêu và vào giai đoạn nào thì chưa được quan tâm đúng mức.

Từ kết quả trên cho thấy, các hộ trồng dừa ở các tỉnh Duyên hải Trung bộ ít quan tâm chăm sóc vườn dừa của mình. Việc cung cấp dinh dưỡng cho cây dừa chưa đảm bảo. Việc làm cỏ, tưới nước, phòng trừ sâu, bệnh hại còn rất hạn chế. Vì vậy, vườn dừa sinh trưởng, phát triển kém, năng suất quả thấp.

IV. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

4.1. Kết luận

Kết quả điều tra hiện trạng canh tác dừa ở vùng Duyên hải miền Trung cho thấy: Diện tích trồng dừa ở các tỉnh Duyên hải miền Trung là 29.399 ha, chiếm 19% diện tích dừa trên toàn quốc. Trong đó, diện tích dừa cho quả 27.472 ha, sản lượng 261.466 tấn quả/ha. Tập trung chủ yếu ở các tỉnh Bình Định 10.520 ha, Quảng ngãi 8.015 ha, Phú Yên 5.200 ha, Khánh Hòa 2.420 ha, Thanh Hóa 1.560 ha, Ninh Thuận 1.078 ha và Quảng Nam 501 ha.

Diện tích trồng dừa của hộ nhỏ, biến động từ 500 m^2 đến 7.000 m^2. Năng suất quả thấp, chỉ đạt 6.000 quả/ha/năm.

Kỹ thuật canh tác lạc hậu: Cây giống được hộ dân tự gieo ươm để trồng chiếm tỷ lệ cao (97,9%). Phương thức canh tác dừa chủ yếu là quảng canh, tỷ lệ các hộ trồng dừa bón phân, làm cỏ, phòng trừ sâu, bệnh hại... cho vườn dừa có tỷ lệ rất thấp (có bón phân 13,2%, có làm cỏ 14,7%, có phòng trừ sâu, bệnh hại 6,3%...).

Nhiều loài sâu, bệnh hại phá hoại, đặc biệt là bọ dừa gây hại rất phổ biến (77,8% cây bị nhiễm).

4.2. Đề nghị

- Cần đầu tư xây dựng hệ thống cung ứng cây giống chất lượng cao, triển khai tập huấn, huấn luyện kỹ thuật thâm canh, thông tin kịp thời cho nông dân những tiến bộ mới về cây dừa.

- Xây dựng và ứng dụng biện pháp kỹ thuật quản lý dịch hại tổng hợp đối với cây dừa để nâng cao năng suất, chất lượng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguyễn Văn Dũng, 1996. *Đời sống cây dừa và kinh nghiệm trồng dừa miền Nam*. NXB Nông thôn.

Nguyễn Thị Bích Hồng, 2005. Nghiên cứu kỹ thuật thâm canh phù hợp để phát triển bền vững các giống dừa ở các Tỉnh phía Nam. *Báo cáo Khoa học*, Viện nghiên cứu Dầu thực vật - Tinh dầu - Hương liệu - Mỹ phẩm - Bộ Công nghiệp.

Hiệp hội dừa Châu Á-Thái Bình Dương - APCC, 2013, *Hội nghị Cocotech lần thứ 46 về sự tăng trưởng toàn diện và phát triển bền vững của ngành dừa.*

Lê Ngọc Thạch, 1984. "Xác nhận tác nhân của bệnh gây rụng quả non trên Dừa và biện pháp phòng trừ tại Bến Tre". Luận văn tốt nghiệp Đại học.

UBND tỉnh Bến Tre, 2012. "Tài liệu Hội thảo Festival dừa Bến Tre, lần III".

Survey of cultivation status of coconuts in the Central Coastal Vietnam

Phan Thanh Hai, Nguyen Tan Hung, Nguyen Thi Thanh Thuy

Abstract

Results from survey of coconut cultivation in the Central Coast region showed that: coconut growing area in central coastal provinces was 29,399 ha, accounting for 19% of coconut in the whole country. In particular, 27,472 ha of fruiting coconuts was recorded with total yield of 261,466 tons/ha. Growing area of small households ranged from 500m^2 to 7000m^2. Age of coconut for extracting oil was from 1 to 52 years and of coconut for drinking was 1-41 years. Fruit yield was low with an average of 6000 fruit/ha/year. Farming techniques were outdated with 97.9% self-seedling. Coconut farming practices were mainly extensive (13.2% of households applying fertilizer; 14.7% and 6.3% of households weeding and controlling pests and diseases, respectively). Harmful beetles are very popular (77.8% trees infected). To promote advantages of coconut trees in the region it need establishing a supply system of seedlings, training on technical cultivation measures and on integrated pest management, information, advanced knowledge to farmers.

Key word: Status, cultivation, extensive, seedlings, coconut beetles

Ngày nhận bài: 15/9/2016
Ngày phản biện: 23/9/2016
Người phản biện: TS. Lưu Văn Quỳnh
Ngày duyệt đăng: 29/9/2016

TẬP TÍNH VÀ SỨC ĂN CỦA NHỆN BẮT MỒI *Neoseiulus longispinosus* Evans (Acari: *Phytoseiidae*)

Lương Thị Huyền[1], Nguyễn Thị Bích Lan[1],
Cao Văn Chí[1], Nguyễn Văn Đĩnh[2]

TÓM TẮT

Theo dõi tập tính và thí nghiệm thử sức ăn của nhện bắt mồi (NBM) *Neoseiulus longispinosus* Evans được tiến hành tại phòng thí nghiệm của Trung tâm Nghiên cứu và phát triển cây Có múi và trên vườn cây ăn quả có múi thuộc huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Kết quả nghiên cứu đã xác định được các tập tính như sinh sản, săn mồi, ăn mồi và nơi cư trú của NBM *N. longispinosus*. NBM tiêu thụ số trứng vật mồi trong ngày với nhện đỏ cam chanh *Panonychus citri* là cao nhất và là 13,02 trứng, sau đó đến nhện đỏ son *Tetranychus cinnabarinus* là12,42 trứng, nhện đỏ tươi *Brevipalpus* sp. là 12,12 trứng và thấp nhất là nhện đỏ nâu chè *Oligonychus coffeae* là 10,78 trứng. NBM tiêu thụ số con mồi nhện non trong ngày cao nhất là trên nhện đỏ nâu chè 3,71 con, tiếp theo là nhện đỏ son 3,23 con, nhện đỏ cam chanh 2,90 con và thấp nhất là nhện đỏ tươi 2,71 con. Số nhện vật mồi trưởng thành bị tiêu thụ trong ngày bởi NBM thấp nhất là nhện đỏ son 1,83 con, sau đó là nhện đỏ cam chanh 2,34 con, nhện đỏ nâu chè 2,56 con và cao nhất là nhện đỏ tươi 2,47 con.

Từ khóa: Nhện bắt mồi *Neoseiulus longispinosus*, nhện vật mồi, tập tính, sức ăn

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Nhện bắt mồi *N.longispinosus* là một loài thiên địch quan trọng thuộc họ *Phytoseiidae,* phân bố tại nhiều nước và vùng lãnh thổ thuộc Châu Á, Châu Phi và Châu Đại dương như Ai Cập, Ấn Độ, Đài Loan, Hàn Quốc, Hồng Kông, Indonesia, Malaysia, Nga, Pakistan, Philippines, Thái Lan, Trung Quốc, Úc (Moraes *et al*., 2004) và Việt Nam (Mai Văn Hào, 2010; Nguyễn Thị Phương Thảo và Trần Ngọc Vũ, 2014).

Một trong những tiêu chí đánh giá về đặc tính hiệu quả của một loài thiên địch là sức ăn mồi lớn để sử dụng chúng trong phòng chống sinh học sinh vật hại cây trồng nông nghiệp (Nguyễn Văn Đĩnh, 2004). Sức ăn của NBM *N. longispinosus* đã được nghiên cứu trên nhện đỏ hai chấm *Tetranychus urticae* (Huyn *et al.,* 1988; Mai Văn Hào, 2010; Nguyễn Thị Phương Thảo và Trần Ngọc Vũ, 2014); nhện đỏ nâu chè *O. coffeae* (Rahman *et al*., 2013). Từ những nghiên cứu về sức ăn của NBM *N. longispinosus* có thể xác định được số lượng NBM cần thiết thả ra trên đồng ruộng có ý nghĩa lớn trong phòng chống sinh học nhện hại cây trồng nói chung và nhện đỏ cam chanh *P. citri* nói riêng.

II. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Vật liệu nghiên cứu

- Nhện bắt mồi: *Neoseiulus longispinosus*.

- Nhện vật mồi: Nhện đỏ cam chanh *P. citri,* nhện đỏ son *T. cinnabarinus*, nhện đỏ nâu chè *O. coffeae*, nhện đỏ tươi *Brevipalpus* sp.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Xác định tập tính của NBM N. longispinosus

Tập tính của NBM được xác định bằng cách quan sát chúng trên 3 điều kiện sống.

a) Trong lồng nuôi

NBM *N. longispinosus* được nuôi trong lồng nuôi Munger cải tiến (Hình 1). Lồng nuôi có đường kính 2,0 cm, chiều cao 0,8 cm, gồm 6 lớp, kích thước các lớp bằng nhau là 4 cm x 4 cm. Lớp trên cùng là tấm nhựa màu trắng được khoét lỗ với đường kính 2,0 cm, cao 0,2 cm, phía trên được dán nilon trong, tiếp theo là tấm nhựa màu đen được khoét lỗ với đường kính 2,0 cm, chiều cao 0,6 cm; lớp thứ 4 là lá bánh tẻ cây ký chủ của nhện vật mồi; lớp thứ 5 là giấy thấm và cuối cùng là tấm nhựa màu đen dầy 0,2 cm. Hai bên lồng dùng kẹp định vị. Trong lồng nuôi có đủ các pha phát dục của nhện vật mồi. Hàng ngay quan sát tập tính di chuyển, ăn mồi, ghép đôi giao phối, vị trí đẻ trứng... của NBM.

b) Trên đảo nuôi NBM

Là các lá cây Ba bét (*Mallotus floribundus*) bánh tẻ có đường kính 15 cm, được đặt trên miếng xốp, cuống lá ngập dưới nước. Lá Ba bét được cách ly bằng 1 lớp nước cao 2 cm, nhằm trách sự tránh sự di chuyển của NBM và nhện vật mồi (NVM) ra ngoài. NVM dùng để nhân nuôi NBM ban đầu là 100 nhện đỏ son *T. cinnabarinus*. Sau 2 tuần nhân NVM trên đảo nuôi (Hình 2) sẽ thả 50 NBM. Đảo nuôi NBM được đặt trên giá inox (1 m x 0,6 m x 1,2 m) bốn chân đặt trong bốn bát nước để cách ly tránh sự xâm

[1] Trung tâm Nghiên cứu và phát triển Cây có múi, Viện Nghiên cứu Rau quả
[2] Học viện Nông nghiệp Việt Nam